

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1104/2024/TLST - HNGĐ ngày 04/9/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Thông Coọc Kh, sinh năm 1977

- Bà Mai Thị B, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Số 240/2/1 đường P, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Thông Coọc Kh và bà Mai Thị B là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 01/08+09+10 ngày 23/08/2010 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Định Q, tỉnh Đồng Nai.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 23/8/2024 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10/9/2024, ông Kh và bà B yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; vợ chồng có 02 con chung tên Thông Gia V, sinh ngày 02/8/2009 và Thông Gia M, sinh ngày 03/01/2015; các bên thỏa thuận giao trẻ V cho ông Kh và trẻ M cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ông Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ M 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, bà B không cấp dưỡng nuôi trẻ V; các bên tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Kh và bà B thật sự tự nguyện ly hôn; đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Thông Coọc Kh và bà Mai Thị B thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 01/08+09+10 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện Định Q, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23/08/2010 hết hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Thông Gia V, sinh ngày 02/8/2009 và Thông Gia M, sinh ngày 03/01/2015. Ly hôn, các bên thỏa thuận giao trẻ V cho ông Kh và trẻ M cho bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ M 3.000.000 đồng/tháng, bắt đầu thi hành kể từ tháng 09/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà B cho đến khi ông Kh có yêu cầu.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Thông Coọc Kh và bà Mai Thị B phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; căn trừ vào tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0014441 ngày 04/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên